

NHỮNG TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG PHÁP TRỊ CỦA TRƯỜNG PHÁI PHÁP GIA

NGUYỄN VĂN TRINH (*)

Triết học Trung Quốc cổ đại nảy sinh trong một thời kỳ xã hội đặc biệt: Xuân thu - Chiến quốc, thời kỳ đánh dấu bước chuyển quan trọng từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang chế độ phong kiến trung ương tập quyền. Chính thời đại lịch sử xã hội đặc biệt này đã tạo tiền đề cho sự nảy sinh, phát triển phong phú và vô cùng rực rỡ của các trường phái triết học khác nhau. Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, sự phát sinh, phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc cổ đại luôn là tấm gương phản chiếu sự biến đổi của đời sống xã hội. Về chính trị, thời Xuân thu, mệnh lệnh của "Thiên tử" nhà Chu không được tuân thủ, trật tự lễ nghĩa, cương thường xã hội bị đảo lộn, đạo đức nhân luân suy đồi. Nạn chư hầu chiếm ngôi "Thiên tử", đại phu lấn quyền chư hầu, tâu giết vua, cha giết con, anh hại em, vợ lìa chồng thường xuyên xảy ra. Các nước chư hầu đua nhau động binh gây chiến tranh thôn tính lẫn nhau hết sức khốc liệt. Thời Chiến quốc, chiến tranh giữa các nước liên tục xảy ra trên quy mô lớn và vô cùng tàn khốc đã làm cho đời sống nhân dân ngày càng cùng cực hơn, trật tự xã hội đảo lộn, lòng dân ly tán. Để giải đáp nhiệm vụ xã hội là "Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", hàng loạt trường phái triết học đã xuất hiện. Phái thì chủ trương nhân trị - đức trị, coi tư cách người cầm quyền quan trọng hơn luật lệ, để có người yêu dân, làm gương cho kẻ dưới thì nước sẽ an bình trị. Phái thì cho rằng nếu người nào cũng yêu người khác

như người thân của mình thì không còn ai tranh giành với ai mà xã hội sẽ yên. Phái thì chủ trương trở lại thời thượng cổ, nhà cầm quyền không nên can thiệp vào việc của dân, để dân sống một đời chất phác, rất ít ham muốn, hết ham muốn, hết tranh giành. Kẻ lại bảo phải dùng pháp luật cho nghiêm, thưởng phạt công bằng thì nhà cầm quyền chẳng cần tài đức mà nước cũng trị. Về thực chất, tư tưởng của mỗi trường phái triết học kể trên là tiếng nói của mỗi một tầng lớp, giai cấp xã hội thời bấy giờ nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị đương thời. Song, trong thời Xuân thu - Chiến quốc, chỉ có một học thuyết được vua chúa áp dụng và đem lại kết quả nhanh chóng trong việc thống nhất Trung Quốc - đó là *học thuyết pháp trị* của trường phái Pháp gia. Sự hình thành và phát triển tư tưởng pháp trị không phải do ý muốn chủ quan của các nhà tư tưởng, mà nó được xây dựng, phát triển trên những tiền đề lý luận và thực tiễn nhất định. Để góp phần làm sáng tỏ những luận cứ, bản chất tư tưởng pháp trị của Pháp gia, trong bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ những tiền đề lý luận và thực tiễn đó.

Tư tưởng pháp trị là sự kế thừa có chọn lọc nhiều tư tưởng triết học trước đó và đương thời, đặc biệt là tư tưởng "tôn quân", "chính danh" của Khổng Tử; "thượng đồng", "công lợi" của Mặc gia và quan niệm về "đạo", "đức", "đạo vô vi" của

(*) Thạc sĩ triết học, Trường Chính trị Lâm Đồng.

Đạo gia; "tính ác" của Tuân Tử, v.v.. Khi giới thiệu về Hàn Phi, nhà nghiên cứu Phan Ngọc đã viết: "Kết quả ông là con người duy nhất của Trung Quốc thực hiện được một sự tổng hợp của ba học thuyết Nho, Lão, Pháp, ở đó Nho là tài liệu xây dựng, Pháp là cái bản thiết kế, nhưng Lão mới là kỹ thuật thi công của cái ngôi nhà độc đáo"(**). Như vậy, tiền đề hình thành tư tưởng pháp trị của Pháp gia gồm:

- Về triết học, đó là học thuyết về "đạo" và "lý".

- Về thực tiễn xã hội, đó là quan điểm về lịch sử tiến hoá.

- Về đạo đức luân lý, đó là học thuyết "tính ác" của Tuân Tử.

Tư tưởng về "đạo" và "lý" của Pháp gia được kế thừa từ tư tưởng duy vật về thế giới của Lão Tử - giải thích sự hình thành, phát triển của vạn vật theo "đạo" và "lý" của chúng. Hàn Phi nói: "Đạo là cái khởi đầu của muôn vật, là tiêu chuẩn phân biệt điều phải trái", nắm được đạo là "biết được nguồn gốc của muôn vật", "biết then chốt của việc đúng sai" và do vậy, nhà vua chỉ cần nắm được "đạo" là có thể ngồi yên, vô vi mà vẫn cai trị được quần thần, trị được nước. "Đạo là cái làm cho muôn vật thành ra như nó tồn tại hiện nay, là chỗ dựa của muôn lý", "là cái lý của vạn vật" (*Hàn Phi Tử*, quyển VI, VII thiên *Dụ Lão* và *Giải Lão*). Đạo đó không bị hình thức hạn chế, mềm yếu theo thời, cùng tương ứng với lý; muôn vật được nó mà sống, mà bại, mà thành và do vậy, phải biết dùng đạo cho đúng. Với Lão Tử, cái đạo vượt lên trên cái vạn vật thiên - địa: "Có vật thành tựu sinh ra trước trời đất, yên lặng mênh mông, độc lập hay không thay đổi, có thể lấy làm mẹ sinh ra thế gian. Ta không biết tên nó tạm đặt là Đạo" (*Đạo đức kinh*, chương 25).

Đạo cũng giống như nước, như thanh kiếm, mũi giáo. Tính chất của đạo là

không âm thanh, không hình tướng, tồn tại độc lập mà không biến đổi, lại chu hành thông thiên địa vạn vật, sinh ra trước thiên địa vạn vật. Nó là nguồn gốc sinh ra thiên địa vạn vật. Đạo lan tràn khắp nơi, ở khắp bên phải, bên trái. Vạn vật sinh ra nương nhờ nó mà không khước từ, thành công rồi mà không để tên lại, nuôi nấng vạn vật mà không đòi hỏi Chúa vậy. Đạo là vĩnh viễn, không thay đổi. Đạo là quy luật chung, theo đạo không phòng bị mà chắc chắn vô hại, đó là cái đạo của trời đất vậy. Đạo có cái đạo lớn - chính đạo, có cái giả dối - tà đạo, thiên lệch lớn giữa chính đạo và tà đạo là sự hoa mỹ.

Lý là cái văn vẻ làm thành vạn vật, là cái phân biệt vuông với tròn, ngắn với dài, thô với tinh, cứng với mềm. Cho nên cái lý có xác định rồi sau đó mới có được đạo. Vì vậy, vật có cái lý xác định hoặc còn hoặc mất, hoặc chết hoặc sống, hoặc suy. Vật có cái lý không thể không biến hoá. Như vậy, lý là quy tắc, quy luật riêng của vật trong hoàn cảnh, điều kiện riêng, có biến đổi sinh động, ngắn dài, lớn nhỏ, vuông tròn, cứng mềm, nặng nhẹ, trắng đen, tạo nên sự vật sinh động biến đổi. Và, do không thể không biến hoá, nên không có quy tắc bất biến; muôn vật đều phế hưng, nên việc sống chết là vốn có của sự vật.

Theo đó, quan điểm tiến hoá - lịch sử tiến hoá là tiền đề tiếp theo và quan trọng, phản ánh rõ nét quan điểm duy vật trong tư tưởng pháp trị của trường phái Pháp gia. Vận dụng thuyết "đạo" và "lý" vào phép trị nước, Pháp gia cho rằng, ngày nay cái "lý" (thời thế, hoàn cảnh, điều kiện của xã hội) đã thay đổi, thì đạo trị nước phải thay đổi. Đó là cơ sở, tiền đề cho Pháp gia thấy rõ không thể dùng pháp

(**) *Hàn Phi Tử*. Nxb Văn học, Hà Nội, 2001, tr.17. Tất cả những trích dẫn trong bài viết này, chúng tôi dựa vào cuốn *Hàn Phi Tử*. Nxb Văn học, Hà Nội, 2001.

luật như cũ, cũng không thể sử dụng "đức trị", "kiềm ái", "vô vi" để trị nước. Nhà vua phải triệt để dùng "pháp", "thuật", "thế" của Pháp gia để trị nước.

Quan điểm tiến hoá về lịch sử của Pháp gia là một thành tựu quan trọng trong nghiên cứu lịch sử xã hội và đó là một trong những tiền đề thực tiễn lịch sử của Pháp gia. Tư tưởng thời thế biến đổi, chế độ chính trị - xã hội cũng phải nhân thời mà biến đổi đã phản ánh rõ nét tính đặc sắc về quan điểm duy vật - quan điểm về sự vận động và phát triển xã hội của trường phái Pháp gia. "Thời biến pháp biến" là tư tưởng cơ bản về biến pháp trong pháp trị của Pháp gia. Đạo gia đã từng nói đến quan điểm này, nhưng Pháp gia mới là người phát triển, nâng nó lên một tầm cao mới về chất và vận dụng triệt để vào thực tiễn xã hội. Lấy quan điểm lịch sử xã hội làm tiền đề cho lý luận pháp trị của mình, Thương Ưởng chia lịch sử ra làm tam thế: thượng thế, trung thế và hạ thế. Trong chương *Khai tác*, ông viết: "Trời đất bày ra mà dân sinh". Trong lúc ấy dân chỉ biết mẹ mà không biết cha, thân người thân mà yêu riêng. Thân người thân thì biệt, yêu riêng thì hiểm (không biết đến ai). Dân đông mà chuộng biết và hiểm thời dân loạn. Chuộng thắng tất tranh, lấy sức đánh nhau tất kiện, kiện mà không được phân xử đúng đắn thì không vừa ý. Cho nên người hiền đặt ra vô tư, mà dân vui điều nhân, trong lúc ấy, bỏ người thân mà chọn người hiền. Phàm người nhân lấy yếu làm chuộng, người hiền lấy hơn nhau làm đạo. Dân đông mà không có cấm chế, lấy hơn nhau làm đạo, lâu ngày tắc loạn. Cho nên thánh nhân thừa thế đặt ra phạt đất đai, của cải, trai gái. Định phạt mà không cấm chế không được, cho nên đặt ra lệnh cấm. Lệnh cấm ban ra mà không có người coi giữ không được, vì thế đặt ra

chức quan. Đặt chức quan mà không thống nhất không được, cho nên phải lập ra vua. Vua đã lập thì chuộng hiền bị bỏ mà quý người sáng lập. Như vậy là thượng thế thân người thân mà yêu riêng; trung thế chuộng người yếu mà thích điều nhân; hạ thế thì thích người sang mà tôn quân. Khi đạo trong dân tệ thì phải thay đổi, cũng như việc đời biến đổi thì đạo phải khác vậy. Đây chính là tiền đề lý luận cho "biến pháp của Pháp gia".

Trong thiên *Ngũ đố*, Hàn Phi chia lịch sử làm bốn thời và biện luận rất chặt chẽ. Ông cho rằng, thời nay phải dùng phép trị nước, đó là xu thế tất yếu của lịch sử: "Đời thượng cổ dân ít, những cầm thú nhiều. Dân không thắng được cầm thú, rần rết. Có bậc thánh nhân xuất hiện, lấy cây cỏ làm tổ để tránh thú vật hại dân, dân thấy làm thích cho làm vua thiên hạ gọi ông là Hữu Sào. Dân ăn trái cây, rau cỏ, sò ốc, tanh tào, hôi hám làm hại đến bụng và dạ dày, có nhiều người chết và đau ốm. Có bậc thánh nhân xuất hiện, soi cây lấy lửa để nấu thức ăn tanh hôi, dân lấy làm thích cho làm vua thiên hạ gọi ông là Thoại Nhân. Vào thời Trung cổ, nhân dân bị nạn nước lớn, Cồn và Vũ đào sông ngòi cho nước chảy ra biển. Vào thời cận cổ, Kiệt, Trụ hung bạo, dân loạn làm nên Thành Thang và Vũ Vương chinh phạt. Thời nay nếu thấy người lấy gỗ làm tổ hay soi gỗ lấy lửa thì thế nào cũng bị Cồn, Vũ chê cười... Ngày nay nếu có người khen ngợi cái đạo của Nghiêu, Thuấn, Cồn, Hạ Vũ, Thành Thang, Vũ Vương ở đời này thì thế nào cũng bị vị thánh nhân mới chê cười. Cho nên bậc thánh nhân không có trau dồi chuyện xưa, không noi theo những quy tắc bất biến, khi bàn việc làm ở đời thì dựa theo tình hình của đời mình mà đặt ra những biện pháp trị vì thiên hạ..." (*Hàn Phi Tử*, quyển XIX, thiên *Ngũ*

đó). Điều đó cho thấy, Hàn Phi đã chê những người ngày nay muốn dùng cách cai trị của vua ngày xưa để cai trị dân chúng đời nay và coi họ chẳng qua cũng chỉ là loại ôm cây chờ đợi thỏ vậy.

Hàn Phi giải thích việc trị dân xưa và nay khác nhau là do của cải ít hay nhiều, dân đông hay ít: "Ngày xưa đàn ông không cày vì các sản phẩm của cây cỏ đủ để ăn, đàn bà không dệt vì da của chim muông đủ để mặc. Không phải vất vả mà việc nuôi dưỡng có đủ, số người thì ít mà tài sản có thừa. Vì vậy cho nên dân không cần phải tranh giành. Bởi vậy không cần phải thưởng hậu, không phải dùng hình phạt nặng mà dân tự nhiên trị. Người ngày nay có năm đứa con không cho là nhiều. Mỗi đứa con có năm đứa con, ông nội chưa chết mà đã có hai lăm đứa cháu. Vì vậy nên người thì đông mà của cải thì ít, làm việc vất vả mà nuôi dưỡng vẫn kém. Cho nên dân tranh giành. Dù có thưởng gấp đôi và phạt nặng hơn nhiều cũng không khỏi làm loạn" (*Hàn Phi Tử*, quyển XIX, thiên *Ngũ đố*). Ông còn cho rằng, việc thời xưa và nay cũng khác xa nhau. Xưa "Nghieu làm vua thiên hạ, mái tranh không xén, cột kèo bằng gỗ không đẽo, ăn cơm gạo hẩm, canh rau, mùa đông mặc áo da nai, mùa hạ mặc áo vải thô... Vua Hạ Vũ làm vua tự mình cày cấy, cày xẻng để làm gương cho thiên hạ. Một ông quan huyện ngày nay, một ngày thân mình chết, thì con cháu mấy đời đi xe. Cho nên người ta coi trọng chức này. Vì vậy, trong việc nhường chức vụ, người ngày xưa coi nhẹ việc nhường chức Thiên tử, còn ngày nay người ta khó lòng nhường chức huyện lệnh" (*Hàn Phi Tử*, quyển XIX, thiên *Ngũ đố*). Ông nhấn mạnh: vào thời thượng cổ người ta đua nhau về đạo đức, vào thời trung cổ người ta đua nhau về mặt mưu trí, nhưng ngày nay người ta đua nhau về mặt sức

manh. Nếu muốn dùng cái chính trị khoan dung để cai trị dân thời nguy cấp thì cũng chẳng khác gì không có dây cương và roi vọt mà muốn điều khiển con ngựa hung hăng. Đây là một tiền đề cơ bản để Pháp gia thời nay phải dùng pháp trị, không thể dùng nhân, lễ, kiêm ái - thượng đồng, vô vi để trị nước được. Với quan điểm vận động và biến đổi của lịch sử như trên thì kẻ thống trị thiên hạ phải căn cứ vào nhu cầu khách quan của xu thế lịch sử xã hội, của thời đại, tùy đặc điểm, thời thế, hoàn cảnh mà lập ra chế độ mới và hoạch định các chính sách, phương pháp trị nước mới cho thích hợp. Hàn Phi cho rằng, "không có một thứ pháp luật luôn đúng" với mọi thời đại. Quan điểm cơ bản trong phép trị nước của Hàn Phi và hệ thống triết học Pháp gia là: "Thời biến, phép biến" (*Hàn Phi Tử*, quyển XX, thiên *Tâm độ*).

Trong thời Xuân thu - Chiến quốc, phương pháp trị nước của Nho gia là "nhân trị", là giáo hoá đạo đức; của Mặc gia là "kiêm ái", "thượng đồng", lấy đạo đức, luật lệ của cổ nhân xưa làm mực thước, viện dẫn uy quyền của thánh vương để biện minh cho giáo lý của mình. Phương pháp đó đã trở nên không phù hợp với yêu cầu khách quan của lịch sử và đặc điểm của thời đại. Phương pháp trị nước công hiệu nhất thời bấy giờ, theo Pháp gia - (đặc biệt là Hàn Phi) là phương pháp pháp trị: "Cho nên việc trị dân không có cái nguyên tắc bất biến; chỉ có pháp luật làm cho dân trị an. Pháp luật thay đổi theo thời thì trị;... Thời thế thay đổi mà cách cai trị không hay đổi thì sinh loạn" (*Hàn Phi Tử*, quyển XX, thiên *Tâm độ*). Đây là tư tưởng biểu hiện rõ nét tính chất duy vật và tư tưởng biện chứng tự phát của Hàn Phi và Pháp gia về lịch sử - xã hội. Chính Hàn Phi đã coi quan hệ lợi ích vật chất là cơ sở của tất cả các quan hệ xã hội.

Tuy Hàn Phi và triết học Pháp gia không thấy được động lực thật sự của lịch sử, nhưng với cố gắng đi tìm nguyên nhân biến đổi của đời sống xã hội loài người trong điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội đó là một đóng góp quý giá của Pháp gia, là bước tiến dài so với quan điểm duy tâm, tôn giáo thời đó.

Chống thái độ ngoan cố, thủ cựu trong phương pháp trị nước, Pháp gia còn đưa ra lý luận "tham nghiệm" mà theo đó, bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng như quan điểm nào cũng phải kinh qua hoạt động thực tế và thí nghiệm khách quan mới có thể đánh giá thật chính xác. Dựa trên quan điểm này, Pháp gia, mà đại biểu xuất sắc là Hàn Phi, đã phê phán kịch liệt chủ nghĩa phục cổ trong phép trị nước của Nho gia, Mặc gia, Lão gia. Hàn Phi cho rằng, đạo của Vua Nghiêu, Vua Thuấn cai trị dân mà các phái trên viện dẫn đã tồn tại hơn ba nghìn năm trước, không có gì chứng thực và một khi đã không có gì chứng thực mà lại mưu toan lấy đó làm mực thước cho nền chính trị hiện tại và ai cũng nhận mình là "chính truyền" thì thật là một ảo tưởng, là ngu xuẩn, nếu không phải là ngu xuẩn thì là giả dối. Do vậy, theo ông, phương pháp trị nước đúng đắn nhất, phù hợp với điều kiện lịch sử thời Xuân thu - Chiến quốc chỉ là phương pháp pháp trị mà thôi.

Lý thuyết về tính người vốn ác cũng là một tiền đề cơ bản cho tư tưởng pháp trị của trường phái Pháp gia. Tư tưởng về bản tính con người hẳn đã có từ trước, nhưng lý thuyết về bản tính con người chỉ mới được bàn từ thời Mạnh Tử trở đi mà thôi. Có nhiều thuyết về bản tính con người trong thời kỳ đó như: thuyết tính thiện của Mạnh Tử, thuyết tính không thiện, không ác của Cáo Tử, thuyết tính siêu thiện, ác của Trang Tử, thuyết tính vừa thiện vừa ác (không rõ của ai). Tuy

theo quan điểm về tính người khác nhau mà các nhà tư tưởng có phương pháp giáo hoá cá nhân, phương pháp trị dân khác nhau. Các nhà tư tưởng Pháp gia trước Hàn Phi không thấy bàn về tính người. Là học trò xuất sắc của Tuân Tử, ngoài việc kế thừa học vấn uyên bác của thầy, của Nho giáo, Hàn Phi đặc biệt nhấn mạnh tư tưởng về tính ác của Tuân Tử nhưng khắt khe hơn khi cho rằng tính người vốn "đại ác". Đây là một tiền đề lý luận quan trọng để Hàn Phi và trường phái Pháp gia xây dựng phương pháp trị dân, trị nước. Hàn Phi viết: "Nói chung, thích điều lợi và tìm nó, ghét cái hại mà tránh nó, đó là bản tính của con người (*Hàn Phi Tử*, quyển IV, thiên *Gian hiếp thí thần*); "Mượn người làm thuê gieo mạ và cày ruộng cho mình thì ông chủ chịu mất tiền để cho họ ăn ngon, đưa ra tiền và vải để đổi lấy công. Đó không phải là yêu người làm thuê mà vì nói: "làm như thế thì người cày sẽ cày sâu và bừa kỹ", người làm công dốc hết sức mình lo việc cày bừa, trở hết tài sản bỏ đất và bờ ruộng, không phải vì yêu ông chủ. Anh ta nói: "Có thể thì canh sẽ ngon, tiền và vải sẽ lấy dễ hơn" (*Hàn Phi Tử*, quyển XI, thiên *Ngoại trữ thuyết, tả thượng*).

Xuất phát từ quan điểm cho rằng con người cầu lợi tránh hại, Pháp gia khẳng định, trong triều đình thì kẻ gian nham nhân có tới bát gian, quan hệ vua tôi thực chất chỉ có vụ lợi, mua bán: Vua bán trách nhiệm và chức tước, còn bề tôi thì bán trí thức và sức lực (*Hàn Phi Tử*, quyển II, thiên *Bát gian*). Pháp gia còn cho rằng, do bản chất con người vốn đại ác không thể sửa, nên không thể dùng nhân, lễ, nghĩa, vô vi để trị. Người tuân theo nhân nghĩa mà trị dân, để dân theo nhân nghĩa chỉ là một ảo tưởng của Nho gia, làm hại cho đất nước. Vì tính con người ta ác là do thời thế đổi khác, cho nên bậc thánh nhân cai quản đất nước không dám trông nhờ trăm họ có thể chịu sự cảm hoá về thiện và đức

của mình, mà phải bằng một hệ thống pháp luật để kiểm chế họ, khiến cho họ không dám làm điều sằng bậy. Lấy pháp luật để ràng buộc mọi người không dám làm điều sằng bậy thì có thể khiến hiệu lệnh với dân cả nước như một.

Có thể nói, tư tưởng pháp trị của trường phái Pháp gia là một trong những tư tưởng đã góp phần giải đáp được những yêu cầu do lịch sử Trung Quốc đương thời đặt ra, chống các tư tưởng tàn dư cũ, là bà đỡ cho xã hội mới ra đời. Tư tưởng pháp trị của trường phái Pháp gia không phải xuất phát từ ý muốn chủ quan của giai cấp quý tộc mới - quý tộc phong kiến, mà là xuất phát từ những căn cứ khách quan, những tiền đề lý luận và thực tiễn cơ bản, đặc sắc nhất. Lý thuyết của Pháp gia mà Hàn Phi là đại biểu lỗi lạc nhất đã xuất phát từ tình thế xã hội thời Xuân thu - Chiến quốc. Vào thời Xuân thu, Trung Quốc chia ra hàng trăm nước, nước nào cũng bé nhỏ. Quan hệ giữa quý tộc và dân lao động là quan hệ trực tiếp. Xã hội chia ra thành đẳng cấp, tôn ti rõ ràng. Sự cai trị là dựa trên thứ bậc. Luật pháp chỉ áp dụng đối với dân thường, còn đối với những người từ đại phu trở lên nếu có sai lầm thì chỉ khiển trách mà không trừng phạt. Không dùng lễ với thứ dân. Việc nắm lấy hình phạt và vận dụng nó là quyền của quý tộc, dân chỉ biết vâng theo. Như thế gọi là cai trị theo nhân - nhân trị. Điều đó tất yếu dẫn đến sự hủ bại của tầng lớp thống trị, dân oán, nước mất. Trước tình hình ấy, nhu cầu nước giàu, binh mạnh để thôn tính các nước khác và làm bá vương đã xuất hiện. Muốn nước giàu, binh mạnh thì phải đề cao pháp luật, đề cao lính chiến và người sản xuất, hạ thấp địa vị quý tộc, không chấp nhận có một lớp người là đối tượng của pháp luật nhưng lại không nhận được quyền của pháp luật ban cho. Quản Trọng - người đầu tiên làm cho nước Tề trước công nguyên sáu thế kỷ thành

bá, đã khẳng định: "Pháp luật là quy tắc của thiên hạ... lấy pháp luật mà trị tội thì dân chịu chế mà không oán, lấy pháp luật định công lao thì dân nhận thưởng mà không cho là ân đức. Cho nên quan lại sai khiến dân mà có pháp luật thì dân theo, không có pháp luật thì dân đứng lại. Người dưới lấy pháp luật phục vụ người trên, cho nên bọn đối trá không thể lừa chủ, bọn ghen ghét không thể có cái bụng làm giặc, bọn xu nịnh không thể khoe cái khéo, ngoài ngàn dặm không dám làm điều trái". Với đường lối cai trị bằng pháp luật công khai và bình đẳng, nước Tần trở thành nước mạnh nhất, giàu có nhất thiên hạ. Một trăm hai mươi năm sau (227 trước CN.), Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc.

Pháp gia là một trường phái triết học lớn của Trung Quốc cổ đại, chủ trương dùng những luật lệ, hình pháp của nhà nước làm tiêu chuẩn để điều khiển hành vi đạo đức của con người và là công cụ quan trọng cho sự phát triển của đời sống xã hội và củng cố chế độ chuyên chế ở Trung Quốc thời Chiến quốc. Pháp gia là tiếng nói của tầng lớp quý tộc mới, tiến hành đấu tranh quyết liệt chống lại tàn dư của chế độ truyền thống công xã gia trưởng, bảo thủ, mê tín tôn giáo đương thời. Tư tưởng pháp trị của Pháp gia là một trong những tư tưởng đã góp phần giải đáp những yêu cầu lịch sử xã hội Trung Quốc đương thời, là bà đỡ cho thể chế xã hội mới ra đời. Tư tưởng pháp trị của trường phái Pháp gia mà người đại biểu xuất sắc là Hàn Phi không phải xuất phát từ ý muốn chủ quan của giai cấp quý tộc mới - quý tộc phong kiến, mà xuất phát từ những tiền đề lý luận và thực tiễn nhất định. Mặc dù ra đời cách đây hơn 2200 năm, nhưng tư tưởng pháp trị của Pháp gia vẫn còn nguyên ý nghĩa lịch sử của nó. Một trong những tư tưởng đó là tư tưởng "thời biến, pháp biến". □